

Thế giới quan tự nhiên trong truyện truyền kỳ Việt Nam

Phạm Văn Hoá¹

¹ Trường Đại học Đà Lạt.
Email: hoapv@dlu.edu.vn

Nhận ngày 5 tháng 5 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Tóm tắt: Truyện truyền kỳ là một thể loại tiêu biểu của văn học viết trung đại Việt Nam thế kỷ XV-XVI. Các tác phẩm truyền kỳ thể hiện sự tiếp biến văn hoá, văn học bên ngoài với văn hoá, văn học dân tộc Việt Nam. Truyện truyền kỳ là những tác phẩm hư cấu nghệ thuật, song nó cũng phản ánh mối quan hệ giữa thế giới tự nhiên với con người trong xã hội đương thời. Xã hội phong kiến Việt Nam đương thời có nhiều biến động, rối ren; tư tưởng mới ra đời, tư tưởng cũ bị thay thế, đây chính là lúc một bộ phận tác phẩm truyền kỳ cho thấy thế giới quan tự nhiên của con người thời kỳ xã hội phong kiến có những chuyển biến. Truyện truyền kỳ biểu đạt sự kính trọng, thích ứng và yêu mến giới tự nhiên của con người.

Từ khoá: Truyện truyền kỳ, thế giới quan tự nhiên, văn học trung đại Việt Nam.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: *Truyện kỳ* (strange/mythical tales) is a typical genre of Vietnamese medieval literature in the 15th and 16th centuries. The works show acculturation and absorption of literature from outside by Vietnam's national culture and literature. Works of artistic fiction, they also reflect the relationships between the natural world and human beings in the contemporary society. The contemporary Vietnamese feudal society was with multiple changes and turmoil; new ideas were born, old ones replaced, and that is the time when a number of such works point out that the worldview towards nature by the people in the feudal society saw changes. *Truyện kỳ* works express human beings' respect and adaptation to and love for the natural world.

Keywords: *Truyện kỳ* tales, worldview towards nature, Vietnamese medieval literature.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam có vai trò quan trọng đối với văn học viết trung đại Việt Nam thế kỷ XV-XVI. *Thánh Tông di thảo* (Lê Thánh Tông) [10], *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ) [2] và *Truyện kỳ tân phả* (Đoàn Thị Điểm) [3] là những tập truyện có vai trò đặc biệt trong quá trình phát triển của thể loại truyện kỳ. Đây là ba tác phẩm truyện kỳ nổi bật nhất và đồng thời cũng là kết tinh của truyện kỳ trung đại Việt Nam, góp phần đưa văn học thế kỷ XV-XVII trở thành “thế kỷ của truyện truyền kỳ” [5, tr.33]. Truyện kỳ trung đại bên cạnh biểu hiện giá trị hiện thực và giá trị thẩm mỹ, còn hàm ý sâu sắc gửi gắm quan niệm về thế giới tự nhiên của con người thời kỳ xã hội phong kiến. Truyện kỳ trung đại Việt Nam với những câu chuyện kỳ quái, yêu ma tạo nên tính hấp dẫn, phong phú cho hệ thống thể loại văn học trong văn học trung đại Việt Nam.

Các truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam không chỉ là kể lại các câu chuyện theo hình thức truyện cổ dân gian, mà còn là kết hợp bối cảnh thời đại, tác giả đem những trải nghiệm sống của bản thân, thực tế xã hội đương thời cùng với suy tư về cuộc sống con người hòa nhập vào trong truyện. Trong những tập truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam được khảo sát, có 12 truyện kể lại những câu chuyện về mối quan hệ giữa con người với thế giới động thực vật cùng chung một không gian sống. Nhiều truyện truyền kỳ thể hiện mối quan hệ giữa tự nhiên và con người, như: *Duyên lạ ở Hoa quốc*, *Chuyện lạ nhà thuyền chài*, *Truyện chồng dê*, *Người trần ở thủy phủ*, *Phả ký sơn quân*, *Truyện tinh chuột* (trong *Thánh Tông di thảo*); *Cây gạo*, *Chuyện kỳ ngộ ở*

Trại Tây, *Chuyện đối tụng ở Long cung*, *Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang* (trong *Truyện kỳ mạn lục*); *Hải khẩu linh từ*, *Long hổ đấu kỳ* (trong *Truyện kỳ tân phả*). Bài viết phân tích mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, tìm hiểu, lí giải nguyên nhân, ý nghĩa của quan niệm về tự nhiên của con người đương thời được phản ánh trong tác phẩm truyện kỳ trung đại Việt Nam. Qua đó, thấy được đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm và đạo đức của con người Việt Nam trong xã hội phong kiến.

2. Thế giới quan tự nhiên trong truyện truyền kỳ Việt Nam

2.1. Kính trọng tự nhiên

Trong *Thánh Tông di thảo* có truyện *Duyên lạ ở Hoa quốc* kể chuyện Chu Sinh mồ côi cha mẹ, ở với chú thím từ nhỏ. Người thím vốn không ưa Sinh. Bất đắc dĩ, Sinh phải cấp sách về căn nhà nát của cha mẹ để lại. Tình cảnh khốn khó của Chu Sinh được giải quyết như thế nào trong truyện? Truyện kể rằng, Sinh đói khát lịm vào giấc mộng và thấy một viên quan đến sắc phong cho chàng làm phò mã vương quốc loài bướm, mời Sinh đến một cung điện, có Quốc mẫu, Thái sư, Hoàng tử... Quốc mẫu ban trà, dọn đại tiệc, lại mời thêm cháu trai tiếp rượu Sinh. Khung cảnh được miêu tả ở đây gắn với thế giới tự nhiên của các loài bướm, loài hoa, đầy hương thơm ngào ngạt. Qua làn áo mỏng, Sinh cũng thấy ở bụng Mộng Trang có nhiều ngấn ngang, lòng chàng mang những ngò vục. Tuy nhiên, được sống trong nhung lụa không kém hoàng đế nhân gian, được mọi người nơi đây tiếp đãi trọng vọng, được ban mũ mão, trang phục

nhiều màu sắc, lại được lấy công chúa Mộng Trang, chàng dấn bỏ qua tất cả ngò vục. Thậm chí, khi tỉnh dậy Sinh vẫn cứ nghĩ những sự việc mình chứng kiến là hiện thực [10, tr.37-53]. Trong *Truyện kỳ mạn lục* có truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* kể chuyện Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương, có chồng đi lính, ở nhà nuôi mẹ chồng cùng con nhỏ. Ngày trở về do chồng ghen tuông thái quá, mắng nhiếc thậm tệ lại còn đòi ruộng bỏ, nàng đành gieo mình xuống sông quyên sinh để chứng minh khí tiết trong sạch của mình. Sau Sinh biết vợ bị oan thì đã muộn. Cùng làng với Vũ Nương có người tên Phan Lang, đêm chiêm bao thấy người con gái xin tha mạng. Sáng dậy được người biểu một con rùa mai xanh, chàng liền phóng sinh. Sau gặp nạn, thuyền đắm, Phan được Linh Phi (phụ nhân Nam Hải Long vương) cứu để trả ơn ngày trước. Chàng được sống trong cung gấm đài cao, nguy nga lộng lẫy ở thủy cung. Nơi đây Phan Lang và Vũ Nương đều được đối xử trọng hậu, không phân biệt địa vị quyền thế. Trong yến tiệc Linh Phi đãi, Phan gặp được Vũ Nương, chàng khuyên nàng về gặp chồng. Nhờ Linh Phi, Phan Lang được về trần gian, Vũ Nương gửi một chiếc hoa vàng và nhắn chồng lập đàn bên bờ sông thì hai người sẽ gặp được nhau. Sau khi gặp nhau, nỗi oan được giải toả, nàng trở lại Long cung [2, tr.125-129].

Nhìn chung, từ hai truyện trên, có thể thấy trong tư tưởng con người đương thời, ngoài thế giới hiện thực nơi bản thân tồn tại còn có một thế giới “lí tưởng khách quan” siêu hiện thực. Thế giới đó nằm ở nơi đáy sâu biển cả, nơi xa xăm của giới tự nhiên, nơi con người không thể hoặc rất khó tìm đường đến được. Đối với thế giới đó, con người có tình cảm kính trọng tận sâu đáy

lòng. Đối với con người, thế giới này đem đến bao tri thức phong phú, xem con người như thượng khách, làm cho cuộc sống nhân sinh càng thêm giá trị. Trần Đình Sử nhận định: “Nếu trong xã hội hiện đại, quan niệm con người là trung tâm đã dẫn đến hủy hoại môi trường tự nhiên. Thì trong thế giới tốt đẹp xưa, giữa con người với thế giới tự nhiên được đặt trong mối quan hệ kính trọng và đối đãi tôn trọng, tương trợ lẫn nhau” [8]. Tất cả những sinh linh trong thế giới tự nhiên ấy không phải là những thức ăn ngon, những vật sở hữu của con người mà bản thân chúng là chủ nhân thật sự của tự nhiên, cũng có vợ chồng, anh em, đời sống vật chất và tinh thần cũng rất phong phú. Đáng quý hơn, trong thế giới tự nhiên đó, con người có thể vứt bỏ cái nhìn thế tục, không lấy địa vị cao thấp trong xã hội làm chuẩn mực đánh giá con người, sự kính trọng và tán thưởng người khác hoàn toàn xuất phát ở việc tôn trọng phẩm chất, nhân cách của họ. Ở đây, những người bất hạnh sẽ tìm thấy hạnh phúc, những người không đạt chí sẽ được trọng vọng, được đối đãi như thượng khách. Nơi đây, con người có điều kiện và hoàn cảnh để đạt được ước vọng nhân sinh, những người luôn mang tâm tình sâu nã, bất đắc chí sẽ được giải phóng, lấy lại tự tin. Con người ý thức sâu sắc rằng bản thân họ chỉ là một thành viên nhỏ bé của giới tự nhiên chứ không phải là tất cả, cho nên họ cần phải kiềm chế dục vọng bản thân. Có như thế, mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên mới có thể hài hòa.

Các nhà văn trung đại Việt Nam mong muốn gửi gắm ở hình hài phóng khoáng của sơn thủy trong không gian tự nhiên đầy bí ẩn để tìm kiếm sự thoả mãn nhu cầu tinh thần về sự sinh tồn của con người, tìm kiếm

sự nương tựa về tâm hồn. Vì thế giới nhân gian đầy rối bời với những thất bại và phiền muộn nên con người tìm đến thế giới tự nhiên đầy bí ẩn và xem đây như là vùng đất mộng ước, nơi có thể du lãm... Thế giới tự nhiên lúc này khác xa với xã hội bấy giờ: xã hội đầy lạnh lẽo hoang vu đối lập với tự nhiên rộng rãi, độ lượng với con người. Con người đối với thế giới tự nhiên trước hết là lòng kính trọng, sau đó là nơi nương tựa ấm áp đáng tin. Con người mong muốn lưu giữ thiên đường tự nhiên như là một quê hương tinh thần cho bản thân, ở đó họ được sống một lần nữa, họ được “rửa tội”.

Những câu chuyện ở trong tác phẩm truyền kỳ trung đại Việt Nam cho thấy mối quan hệ hòa hợp, tương hỗ lẫn nhau giữa con người với giới tự nhiên, một bên dành cho sự kính trọng, một bên lấy sự tôn trọng báo đáp. Sự chung sống hòa hợp với nhau như thế, một mặt thúc đẩy đời sống tinh thần lành mạnh của con người, một mặt bảo vệ được hoàn cảnh tự nhiên, thực hiện duy trì môi trường sinh thái trong lành.

2.2. Thích ứng với tự nhiên

Trong *Thánh Tông di thảo* có truyện *Chuyện lạ nhà thuyền chài* kể chuyện hai vợ chồng thuyền chài già gần sáu mươi tuổi mới có con. Người con trai tên là Thúc Ngư đến tuổi lấy vợ, bỗng duyên gặp Ngoạ Vân, con một ông lão nhà thuyền. Họ gặp nhau, nhà Ngoạ Vân mời cơm với những thức lạ toàn vật sống đang bơi. Có thứ quẫy lượn như rồng, có thứ bơi lượn như cá... Và nhiều con vật vẫy rồng, mồm giải, mặt thú thân xà, nổi chìm lên xuống nhanh như mây bay. Khi cầm đĩa thì tất cả đều đã chín. Hai vợ chồng ông chài cáo từ. Về họ hỏi Thúc Ngư mới biết chỗ mới đến là đảo áp, dòng

dõi hải tiên. Thúc Ngư và Ngoạ Vân làm lễ cưới. Trông như người thường, không có vẻ gì khác. Đêm 7 tháng 7 làm lễ “khất xảo”, bỗng sóng to gió lớn, Ngoạ Vân biến thành một con cá to dài 5 thước cứu được người trong gia đình. Lúc này nàng mới nói rõ vốn là Nữ học sĩ ở Long cung, đến nay đã lộ thiên cơ, không thể chung mộng cùng chàng, rồi nàng hoá rồng bay về phương Bắc [11, tr.58-65]. Trong *Truyền kỳ tân phả* có truyện *Hải khẩu linh từ* kể chuyện nàng Bích Châu, cung phi của vua Trần Duệ Tông, học giỏi, hay văn thơ, đẹp người, lại có lòng quan tâm đến vận mệnh quốc gia nên được nhà vua rất mực yêu mến. Khi biết nhà vua sắp sửa đi đánh Chiêm Thành, nàng hết lời can ngăn. Vua không nghe, nàng tình nguyện đi theo giúp sức. Đến cửa biển Kỳ Hoa, chiến thuyền gặp bão táp, giông tố, mười phần nghiêng ngã vì tên Giao Long (yêu quái thường luồng) đòi vua cho hẳn một người vợ mà không được. Để cứu vua và quân sĩ, nàng xin hy sinh thân mình làm vợ Giao thần. Nhờ đó sóng yên biển lặng. Sau nhờ Quảng Lợi vương trừng phạt Giao thần, nàng được trở về trần gian [3, tr.6-30].

Nhìn chung, hai truyện trên cho thấy động thực vật sau khi thành tinh hợp thành một thế giới sinh tồn khá tương đồng với thế giới nhân loại. Thế giới loài vật không phải chỉ là nền cảnh, là cái cớ để con người bộc lộ tâm trạng mà “chúng có sinh mệnh thật sự” [6]. Thế giới này là sản phẩm sao chép thế giới nhân loại, chúng cũng tồn tại sự phân chia thành chính nghĩa và phi nghĩa, cũng có người tốt và kẻ xấu. Trong thế giới tự nhiên cũng tồn tại tình trạng kẻ mạnh hiếp đáp kẻ yếu, là một xu thế tất yếu của sự tiến hoá sinh vật, người xưa đã ý thức được điều này từ rất sớm. Họ hiểu rằng sự

cạnh tranh này không thuộc phạm vi có thể khống chế bằng năng lực của con người nhưng con người có thể phát huy tính năng động của mình, giúp tự nhiên tiến hành chọn lọc. Trong quá trình chọn lọc này, năng lực của con người không thể bị xem nhẹ, cũng giống như sự việc Quảng Lợi vương trừng phạt Giao thần, giúp nàng Bích Châu được trở về trần gian (*Hải khẩu linh từ*), yêu tinh cá không thể chung mộng cùng con người, rồi nàng hoá rồng bay về phương Bắc (*Chuyện lạ nhà thuyền chài*). Sự chính trực, dũng cảm và sáng suốt của con người đương thời biểu lộ rất rõ ràng, ý thức sinh mệnh con người thể hiện khá đầy đủ. Đứng trước sức mạnh dữ dội của thế giới tự nhiên, con người không thể ngây thơ nhưng họ cũng tuyệt đối không phải là chủ nhân của giới tự nhiên, làm gì tùy thích. Chỉ có tôn trọng quy luật tự nhiên, tìm lấy vừa phải mới là sinh tồn hài hòa. Con người và những giống loài trong giới tự nhiên chỉ có thể từng bước hướng về phía trước tuân theo quy luật tự nhiên, quy luật sinh tồn như thế [1, tr.34]. Trong quá trình chọn lọc tự nhiên, thích nghi với môi trường sống để tìm đến phương thức sinh tồn thích hợp nhất mới có thể thực hiện mục đích cả hai cùng thắng. Sự thích ứng với tự nhiên được phản ánh trong tác phẩm truyền kỳ Việt Nam đặt trong tương quan với thế giới quan tự nhiên của con người trong xã hội ngày nay hình thành sự đối sánh mới mẻ. Trong xã hội ngày nay, con người với những ham muốn ngang ngược, ích kỷ, không kiêng dè bất cứ điều gì, không suy nghĩ đến hậu quả, không chú trọng quá trình mà chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt. Họ cho rằng sự dồi dào tiền bạc, đầy đủ vật chất là mục đích cuối cùng, mà không biết rằng đây là một trạng thái sinh tồn không bình thường.

Nó ảnh hưởng tiêu cực đến xu hướng phát triển ổn định của xã hội và giá trị xã hội của nhân loại, khiến xã hội mất đi lương tri, đạo đức sống, coi thường tự nhiên, dẫn đến khủng hoảng toàn bộ thế giới sinh thái. Điều này đối với nhân loại hay đối với các sinh vật trong giới tự nhiên đều là tai họa.

Những tác phẩm truyền kỳ như trên đã chuyển tải những ngụ ý rất sâu sắc về việc con người cần quan tâm đến giá trị của môi sinh đối với sự tồn tại của nhân loại. Chúng là tiếng chuông cảnh tỉnh trước nguy cơ đánh mất con đường sống của nhân loại. Nhân loại chỉ có thể mang thái độ sống thích ứng với tự nhiên để thay đổi hành động sống phù hợp với tự nhiên. Có như vậy, mới có thể tạo nên sự phát triển hài hòa môi trường sinh thái, thế giới tự nhiên lúc đó mới thuận lợi cho con người, giảm nhẹ những phát sinh tiêu cực từ môi trường sinh thái.

2.3. Yêu mến tự nhiên

Trong *Truyện kỳ mạn lục* có truyện *Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây* kể chuyện Hà Nhân, một người học trò lên Kinh trọ học, thường đi qua trại Tây, dinh cũ quan Thái sư triều Trần, thấy hai người con gái kiều diễm bên trong tường, nhí nhảnh cười đùa. Dần dần họ quen nhau, hai người con gái giới thiệu, một họ Liễu, một họ Đào, vốn là tì thiếp của quan Thái sư. Ba người họ cùng chuyện trò đàm thắm, tựa ngọc kề vàng, gói chăn êm ấm, ân ái nồng nàn. Vào đêm Nguyên Tiêu, hai nàng mời Nhân đến nhà chơi. Giữa khu vườn hoa thơm cỏ lạ, có nhiều mỹ nhân, họ Lý, họ Mai, họ Dương, họ Kim... cùng đến dự tiệc. Sau đó vài tháng, Nhân được tin cha mẹ giục hỏi vợ. Nhân về đến nhà bảo còn lo học hành chưa vội cưới xin,

cha mẹ bằng lòng. Ở nhà chưa lâu, Nhân tưởng nhớ hai nàng Liễu, Đào mà trở lại Kinh. Vừa đến trại Tây đã có hai nàng đón. Một thời gian sau, hai nàng bảo đã đến kỳ tan tác. Đoạn hai nàng tặng đôi hài cho Nhân làm kỷ vật. Đêm đó, Nhân đến trại Tây gặp một ông cụ, kể chuyện mới biết những cây hoa biến thành yêu ma, chàng giật mình tỉnh ngộ, lâu nay mình làm bạn với tinh hồn hoa, hôm sau chàng làm lễ cúng hai nàng. Đêm hôm ấy, hai nàng hiện lên tạ ơn trong giấc mơ của chàng. Hà Nhân muốn lưu lại nhưng hai nàng đã vụt biến mất vào không trung [2, tr.47-62]. Cũng trong *Truyện kỳ mạn lục* có truyện *Cây gạo* kể rằng: Trình Trung Ngô là một thương nhân giàu có, đẹp trai, buôn bán bằng thuyền ở tíu miền Nam. Chàng tình cờ gặp một người con gái xinh đẹp và yêu nàng. Nàng tên là Nhị Khanh. Họ hẹn hò bên cầu Liễu Khê, trò chuyện đằm thắm. Hai người đưa nhau xuống thuyền ân ái. Nàng làm hai bài thơ ghi lại cuộc hoan lạc và lời ước nguyện đôi bên sau này được chết chung một huyết. Gần sáng, nàng từ biệt ra về và từ đó đêm nào cũng ái ân. Được một thời gian, Trung Ngô mới biết người con gái tuổi đôi mươi ấy đã chết được nửa năm quản ở ngoài đồng. Từ đó, chàng ốm nặng, lúc nào cũng nghe tiếng Nhị Khanh gọi. Một đêm, mọi người tìm thấy chàng nằm ôm quan tài mà chết. Họ chôn cả hai người ở đó. Hai hồn ma nhập vào cây gạo bên chùa [2, tr.31-37].

Nhìn chung, trong hai truyện trên, con người bày tỏ tình yêu đôi lứa không trực tiếp nhưng rất mãnh liệt và táo bạo, chân thành và phóng khoáng. Các tác giả truyện kỳ đã mượn thể giới sinh vật trong tự nhiên để bày tỏ ước mong tình cảm lứa đôi của con người, khiến cho những tâm hồn chân

thực dưới sự trói buộc của khuôn khổ lễ giáo nam quyền phong kiến có chỗ nương tựa. Bởi vì “đôi với bản thân loài vật, hoạt động tính dục được thực hiện đúng với bản năng thiên bẩm, tự nhiên, hài hòa, có mối liên hệ giữa mỹ cảm với hoạt động tính dục ngay ở loài vật (...) chuyện tính dục được bộc lộ đầy thi vị, mang sắc thái thẩm mỹ” [4, tr.10]. Cuộc tình tự do của Hà Nhân với hai yêu tinh hoa Liễu, Đào và chuyện tình chân thực của Trung Ngô với hồn ma cây gạo Nhị Khanh đều trở thành bến đậu của tình cảm lứa đôi. Giữa người “tỏ tình” và kẻ được “tỏ tình” xuất hiện một sợi dây liên hệ tình cảm hồn nhiên, chân thành. Cả hai tác phẩm đều “lấy vật ngụ người”, lấy chuyện siêu nhiên nói chuyện con người, điều này so với tình cảm lứa đôi thời nay vẫn còn mang tính mới mẻ. Con người Việt Nam trong xã hội phong kiến không quen biểu lộ tình cảm lứa đôi tự do, mãnh liệt và phóng khoáng. Đặc biệt, người phụ nữ luôn được giáo dục phải an phận tam tòng, giữ gìn, tu dưỡng tứ đức. Ca dao dân ca Việt Nam được xem là những sáng tác thơ ca đầu tiên biểu hiện tình yêu nam nữ tự do, táo bạo, thoát khỏi những kiểm toả của xã hội phong kiến khắt khe. Những tình cảm chân thành mãnh liệt, táo bạo và phóng khoáng đó khiến chúng ta ngày nay cũng phải cảm động, thán phục. Thơ văn trung đại Việt Nam có rất ít tác phẩm biểu lộ tình cảm nam nữ yêu thương ân ái, và đây vẫn là một chủ đề khá nhạy cảm. Điều này cho thấy đời sống tình cảm lứa đôi, hạnh phúc con người dưới thời kỳ phong kiến ở Việt Nam chịu nhiều kiểm toả. Chúng ta đã từng được thấy thơ ca dân gian phản ánh đời sống tình cảm của người lao động xưa với sự khoẻ khoắn, gần gũi với tự nhiên, họ sẵn sàng đấu tranh để giành lấy hạnh phúc, với

những cách biểu đạt tình yêu rất trong sáng, lành mạnh. Những tình cảm ấy bị quan niệm xã hội sắc dục, tư tưởng nam quyền đương thời kiểm toả mà cảm thấy phiền não, khổ sở. Nhưng trong truyện truyền kỳ, chàng Chu Sinh chấp nhận từ bỏ cuộc sống giàu sang nơi trần gian để đoàn viên cùng Mộng Trang người mình yêu thương nhất (*Duyên lạ xứ Hoa*), Trung Ngộ và Nhị Khanh cứ để “thân thể loã lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn” giữa nơi xóm làng, và để trấn áp một đôi trai gái tự do ái ân mà vị đạo nhân phải huy động tới sáu - bảy trăm lính đầu trâu. Tuy nhiên, Trung Ngộ và Nhị Khanh chỉ bị “trừng phạt”, bị “trấn áp” sau khi đã “chết”; nghĩa là, chẳng “tồn hại” gì tới tình yêu hai người. Hơn nữa họ cũng đã có những giây phút tận hưởng ái ân “hết sức thoả mãn” bên nhau rồi, chẳng còn gì để oán thán cả (*Cây gạo*). Trong *Nghiệp oan của Đào thị*, tình yêu giữa Hàn Than và sư Vô Kỵ bùng nổ. Họ “mê đắm say sưa, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa **cửu** hạn” [2, tr.74]. Lần đầu tiên văn học Việt Nam có những câu chuyện tình mê đắm, tự do, táo bạo như vậy. Sự xuất hiện của những tác phẩm như trên trong truyện truyền kỳ Việt Nam đã cung cấp cho chúng ta những dòng thổ lộ tình cảm hết sức táo bạo, tự do và khoẻ khoắn. Ngòi bút của các tác giả truyền kỳ khá táo bạo và phóng túng khi say sưa miêu tả và miêu tả một cách sinh động, chân thực những mối tình si mê, đắm đuối sắc dục giữa nam và nữ. Bởi vì, tình cảm lứa đôi rất tự nhiên, khoẻ khoắn của con người không nên một mực giấu kín trong tà áo đẹp đẽ, e ấp, kín đáo, mà thực tế nhiều lúc tình cảm đó cần biểu lộ sôi nổi, mãnh liệt như khát khao sống trong đời của con người. Cũng giống như trong cuộc sống, bên dòng suối nhỏ nhẹ nhàng, im ắng bao

quanh núi rừng, cần có những thác nước cuộn cuộn từ trên cao mãnh liệt chảy qua bao tầng đá để trở về biển lớn. Vạn vật trong môi trường tự nhiên đều có cuộc sống riêng, chúng cũng giống như dòng thác cuộn cuộn mãnh liệt bên cạnh cuộc sống con người, điếm tô trang trí cho cuộc sống của chúng ta, nâng cao chất lượng cuộc sống chúng ta. Nhân loại trong tình yêu thương cũng cần tôn trọng trạng thái sống tự nhiên vốn có của nó.

Nhiều tác phẩm trong truyện truyền kỳ đã dụng ý quan tâm tình cảm con người. Con người, một sinh vật bậc cao không giống những sinh vật khác trong thế giới tự nhiên do đó, tình cảm cũng mang màu sắc độc đáo. Từ 500 năm trước đây, người Việt đã sớm chú ý đến điều này, thể hiện trong quan niệm thiên nhân hợp nhất. Thông qua các sự vật trong thế giới tự nhiên để bày tỏ, truyền đạt những tình cảm tinh tế của con người.

3. Kết luận

Truyện truyền kỳ trong văn xuôi trung đại Việt Nam đã có những chuyển biến rõ rệt: từ những tác phẩm chưa tách khỏi yếu tố văn học dân gian và tiếp thu ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến trở thành là một thể loại tiêu biểu của văn học viết trung đại Việt Nam thế kỷ XV-XVI. Tác phẩm truyền kỳ mô tả hàng loạt hiện tượng biến hóa kỳ ảo, kể các câu chuyện từ ma quỷ đến chuyện con người trong xã hội, biểu hiện từ nhận thức tình cảm lễ giáo đến nhận thức cuộc sống hiện thực. Vũ Thanh cho rằng: “Truyện truyền kỳ của các nhà nho Việt Nam giàu chất hiện thực, đậm chất nhân văn” [8, tr.76]. Nhân vật là yêu ma nhưng

con người là đối tượng và là trung tâm phản ánh. Thế giới trong truyện được miêu tả có khi là thượng giới hay địa phủ, cõi tiên hay thủy cung... nhưng đều là hình chiếu của thế giới tự nhiên trong cuộc sống gắn với con người và ở đâu cũng gần gũi, quen thuộc. Nội dung phản ánh đã chuyển từ nội dung ma quái sang nội dung xã hội, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội thị dân, mặc dù cái vỏ thần kỳ vẫn giữ nguyên tạo nên sức hấp dẫn cho hình tượng nhân vật. Truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam phản ánh nhận thức của con người trong quá trình tìm kiếm bản chất của sự sống, sự tồn tại mỗi cá nhân trong thế giới tự nhiên và xã hội. Ở đây, tự nhiên như là tấm gương phản chiếu cuộc sống của con người, để con người có thể nhận thức và thể hiện bản thân. Những tác phẩm trong truyện truyền kỳ đã gửi gắm tình cảm kính trọng, thích ứng và yêu mến của con người trước tự nhiên. Đồng thời, tự nhiên lại có vai trò dẫn dắt, định hướng nhất định trong biểu đạt giá trị đạo đức, sức khoẻ tinh thần và biểu đạt tình cảm của con người. Điều này càng có ý nghĩa trong bối cảnh môi trường sinh thái đang bị ô nhiễm hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Nguyên Căn (2000), *Cách nhìn nhận thế giới tự nhiên của Lão Tử và J.J. Rousseau, Đạo gia và văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Dữ (1999), *Truyện kỳ mạn lục*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Đoàn Thị Điềm (1997), “Truyện kỳ tân phá”, in trong *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, t.1, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4] Phương Lựu (1996), “Tân mạn về văn nghệ với tính dục”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
- [5] Nguyễn Đăng Na (2007), *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Mạc Ngôn (2002), “Văn học phải làm cho con người tin nhau hơn”, *Báo Văn nghệ*, số 12, ngày 23/03/2002.
- [7] Trần Thị Ánh Nguyệt (2014), “Thiên nhiên trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn phê bình sinh thái”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 17, số X2.
- [8] Vũ Thanh (2018), “Thế loại truyện kỳ ảo Việt Nam thời trung đại - quá trình nảy sinh và phát triển đến đỉnh điểm”, in trong *Văn học Việt Nam thế kỷ X – XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Lê Thánh Tông (2008), *Thánh Tông di thảo*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [10] Trần Ngọc Vương (1997), *Văn học Việt Nam - dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Vương Nhạc Xuyên (2009), “Văn học sinh thái và phê bình văn học sinh thái”, *Học báo Đại học Bắc Kinh*, số 2.
- [12] <https://trandinhso.wordpress.com/2015/02/09/phe-binh-sinh-thai-tinh-than-trong-nghien-cuu-van-hoc-hien-nay>, truy cập ngày 25 tháng 4 năm 2020.